

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phú**

Bản án số: 50/2023/HSST
Ngày: 29 - 8 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Công Kiều

Ông Phạm Văn Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Ngô Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự về phân dân sự giữa:

Nguyên đơn dân sự: Chị Ngô Thị Phương L, sinh năm 1981, là người đại diện hợp pháp của người bị hại Bùi Đức Th (đã chết)

Thôn V, xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội,

Chị Nguyễn Thủy Kiều A, sinh năm 1997, có đơn xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn V (Thổ Bảo) xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội,

Bị đơn dân sự: Anh Lê Văn L, sinh năm 1983, là người bị kết án, về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”

Địa chỉ: Thôn 10, xóm giữa (nay là thôn Làng Mật), xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa,

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn Q, sinh năm 1957

Địa chỉ: Tiểu khu N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa,

Nơi ở hiện nay: Phố 2, phường Q, thành phố Th, tỉnh Thanh Hóa,

Cháu: Bùi Hồng Nh, sinh ngày 02/8/2008,

Cháu: Bùi Huy A, sinh ngày 08/9/2005,

Người đại diện hợp pháp: Chị Ngô Thị Phương L (mẹ đẻ)

Ông Bùi Văn M, (tên gọi khác Thấy) sinh năm 1958 (bố đẻ bị hại)

Bà Đỗ Thị Th, sinh năm 1961 (mẹ đẻ bị hại)

Địa chỉ: Thôn Vân Trì (Thổ Bảo), xã Vân Nội, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội,

Người làm chứng: Anh Đinh Xuân N, sinh năm 1979

Địa chỉ: Xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (vắng)

Anh Lê Văn S, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (vắng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Lê Văn L có giấy phép lái xe hạng D là lái xe của Doanh nghiệp tư nhân Quang L, được giao điều khiển xe ô tô BKS -1878, loại xe 29 chỗ ngồi. Vào các ngày 19, 20/6/2010, do xe ô tô L được giao điều khiển bị hỏng không lưu thông được, nên L được phân công phụ xe khách BKS - 36M-9113, loại xe 47 chỗ được giao cho anh Đinh Xuân N điều khiển, chạy tuyến Thanh Hóa, Hà Nội, cùng phụ xe với L còn có anh Lê Văn S.

Rạng sáng ngày 21/6/2010 anh Nam bị ốm không đi lái xe được, anh N đã gọi điện thoại cho ông Lê Văn Q, là chủ doanh nghiệp tư nhân Quang L để báo cáo nhưng không liên lạc được, do đó anh N đã gọi điện thoại cho L, nhờ L báo cáo với ông Q để người khác lái xe thay anh N. L gọi điện thoại cho ông Q nhưng cũng không liên lạc được, L đến nhà ở của ông Q gọi ông Q nhưng cửa nhà đóng và không có ai trả lời, L quay lại gara xe ô tô gặp anh S, L nói cho anh S biết việc anh N bị ốm không đi lái xe được. Thấy đã đến giờ đón khách, L nói với anh S để L lái xe, anh S hỏi lại L có lái được xe này không, L trả lời lái được rồi lấy chìa khóa xe ô tô để ở gara mở cửa xe, gọi anh S đi phụ xe, sau đó điều khiển xe đi đón chờ khách từ thị trấn N và thành phố Th đi Hà Nội.

Khoảng 7 giờ 30 cùng ngày, L điều khiển xe ô tô 36M-9113, chạy đến đoạn km 305+ 700 Quốc lộ 1A, đoạn đường thuộc địa phận thôn Phú Lý, xã Đ, huyện H, Thanh Hóa. Lúc này L phát hiện thấy phía trước xe khoảng 30-40m có xe ô tô khách BKS 30Y- 8507, loại xe 16 chỗ ngồi đang chạy ngược chiều theo hướng Hà Nội đi Thanh Hóa, do tránh xe mô tô đi cùng chiều nên xe ô tô 30Y- 8507 đã chạy sang phần đường của xe ô tô 36M-9113 do L đang điều khiển. Thấy vậy, L điều khiển xe ô tô chạy sang phần đường ngược chiều để tránh việc hai xe ô tô đâm trực diện vào nhau, nhưng sau khi chạy sang phần đường ngược chiều để tránh xe mô tô, xe ô tô 30Y-8507 lại chạy sang phần đường đi bên phải theo chiều đi. Do không kịp thời xử lý nên xe ô tô 36M- 9113 do L điều khiển đã đâm vào xe ô tô BKS 30Y-8507. Hậu quả 04 người chết, 14 người bị thương và hai xe ô tô bị hư hỏng nặng. Sau khi sự việc xảy ra, gia đình bị đơn và cùng ông Lê Văn Q, là chủ doanh nghiệp tư nhân Quang L đã thỏa thuận bồi thường xong toàn bộ thiệt hại cho 03 người chết và 13 người bị thương với tổng số tiền 369.802.925 đồng. Tiền sửa xe ô tô 36M-9113 hết 98.000.000đồng. Còn một người bị thương là cháu Nguyễn Thủy Kiều A và anh Bùi Đức Th chết và xe ô tô 30Y 8057 của anh Th chưa thỏa thuận bồi thường được.

Tại bản án hình sự Phúc thẩm số 147/2011/HSPT ngày 29/8/2011 đã tuyên hủy phần dân sự đối với yêu cầu bồi thường của nguyên đơn dân sự và xác định lại tư cách tố tụng. Trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện H để điều tra bổ sung.

Ngày 08/11/2011 Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án số: 61/2011/TB –TLVA, quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Văn L có đơn khiếu nại với nội dung; ngày 21/6/2010,

anh được ông Lê Văn Q, chủ doanh nghiệp tư nhân Quang L giao điều khiển xe ô tô BKS 36M-9113, loại xe 47 chỗ ngồi chở đón khách từ Thanh Hóa đi Hà Nội, trên đường đi đến đoạn đường thuộc địa phận thôn Phú Lý, xã Đ, huyện H (Quốc lộ 1A) thì xảy ra va chạm với xe ô tô BKS 30Y- 8057, vụ việc tai nạn làm 04 người chết và 14 người bị thương, hai xe ô tô bị hư hỏng nặng, sau khi tai nạn xảy ra, anh L đã rời khỏi hiện trường và có nhờ phụ xe ở lại giải quyết. Nay anh cho rằng việc điều khiển xe ô tô BKS 36 M -9113 là do ông Lê Văn Q giao cho anh L điều khiển từ Hợp Lực đi Hà Nội, chứ không phải anh tự vào gara xe ô tô để lấy chìa khóa và điều khiển xe BKS 36 M -9113 đi đón khách. Vì vậy anh không đồng ý chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại như Bản án phúc thẩm số 147/ 2011/HSPT đã nhận định. Cho đến nay anh đã chấp hành xong hình phạt tù, từ ngày 15/8/2025, còn về bồi thường thiệt hại đối với anh Bùi Đức Th và chị Nguyễn Thủy Kiều A vẫn chưa được giải quyết. Nên anh đề nghị ông Lê Văn Q phải chịu trách nhiệm bồi thường cho người bị hại.

Ông Lê Văn Q, Chủ doanh nghiệp tư nhân Quang L trình bày: Vào sáng ngày 21/6/2010, anh Lê Văn L có giấy phép lái xe hạng D là người được giao lái xe loại 29 chỗ ngồi nhưng đã tự ý vào gara lấy chìa khóa và điều khiển xe ô tô BKS 36M-9113, loại xe 47 chỗ ngồi đi đón chở khách theo hướng Thanh Hóa đi Hà Nội khi chưa được phép của ông. Khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày, anh L điều khiển xe ô tô 36M-9113, chạy đến km 305 + 700 Quốc lộ 1A, đoạn đường thuộc địa phận thôn Phú Lý, xã Đ, huyện H, Thanh Hóa thì gây tai nạn, hậu quả làm 04 người bị chết và 14 người bị thương, xe ô tô 36M-9113 và xe ô tô 30Y-8057 bị hư hỏng nặng. Sau khi sự việc xảy ra ông Q cùng gia đình anh L đã đến các gia đình có người bị thiệt hại đã thỏa thuận bồi thường xong. Đối với gia đình anh Bùi Đức Th (bị chết) và cháu Nguyễn Thủy Kiều A (bị thương) và xe ô tô BKS 30Y-8057 bị hư hỏng nặng chưa thỏa thuận bồi thường được, mặc dù ông đã ra nhà chị L nhiều lần. Tuy nhiên, sau thời gian hoạt động, doanh nghiệp của ông đã phá sản từ năm 2012, xe ô tô và các tài sản khác đã bán để trả nợ cho Ngân hàng và các cá nhân do làm ăn thua lỗ, hiện nay ông cũng đang trong tình trạng khó khăn, phải đi làm thuê, nên ông sẽ chịu trách nhiệm nhận bồi thường cho gia đình người bị thiệt hại cùng với anh L là 50%.

Người đại diện hợp pháp cho người bị hại Bùi Đức Th có đơn đề nghị bồi thường và vẫn giữ nguyên yêu cầu bồi thường thiệt hại theo Bản án Sơ thẩm số 25/2011/HSST ngày 29/6/2011. Bao gồm: Bồi thường thiệt hại do tài sản là xe ô tô BKS 30Y -8057 bị hư hỏng là 605.658.000 đồng, tiền chi phí mai táng phí 10.000.000 đồng; tiền bồi thường tổn thất về tinh thần cho những người thân thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm, bố mẹ chồng, chị và hai con là 49.800.000 đồng, cộng 665.458.000 đồng. Ngoài ra còn yêu cầu tiền trợ cấp nuôi dưỡng một lần cho hai cháu là cháu Bùi Huy A, sinh ngày 08/9/2005 và cháu Bùi Thị Hồng Nh, sinh ngày 02/8/2008, thời gian cấp dưỡng từ tháng 7/2010, cụ thể: Đối với cháu Bùi Huy A, thời gian cấp dưỡng từ tháng 7/2010 đến tháng 7 năm 2023 là 156 tháng x 500.000 đồng/tháng = 78.000.000 đồng; cháu Bùi Thị Hồng Nh, thời gian cấp dưỡng từ tháng 7/2010 đến tháng 7 năm 2023 là 192 tháng x 500.000 đồng/tháng = 96.000.000 đồng. Cả hai cháu là 174.000.000 đồng. Tổng cộng các khoản yêu cầu bồi thường là 839.458.000 đồng. Đối với số tiền 10.000.000 đồng tiền thuê kéo xe BKS 30Y – 8057, từ Hậu Lộc ra Hãng PORD Hà Nội, đã được chị L nhận từ ông Q và chi trả theo giấy nhận tiền ngày 17/7/2010 cho bên kéo xe, số tiền này ông Q phải chịu nên chị L không yêu cầu.

Bà Đỗ Thị Th, sinh năm 1961 (mẹ bị hại) trình bày, về quan điểm bồi thường bà thống nhất với nội dung như chị Ngô Thị Phương L và toàn bộ số tiền mà Bản án sơ thẩm năm 2011 đã tuyên. Nay bà không thay đổi về mức bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần như chị L trình bày. Bà đề nghị anh Lê Văn L và ông Lê Văn Q tự bàn bạc với nhau để có biện pháp giải quyết bồi thường cho hợp lý vì vụ án đã xảy ra từ năm 2010 đến nay đã kéo dài hơn 13 năm.

Về tài sản bị thiệt hại: Căn cứ vào kết quả định giá tài sản số: 103/KL-HĐĐG HS ngày 22/11/2011 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Tổng giá trị tài sản đề nghị định giá là 01 xe ô tô Pord Transit BKS 30Y 8057 bị thiệt hại là 605.658.000 đồng.

Sau khi thụ lý giải quyết vụ án, Chi cục Thi hành án dân sự đã trả lại hai sổ tiết kiệm trị giá 300.000.000 đồng và xe ô tô BKS: 36M-9113 cho ông Lê Văn Q, theo công văn số 01/2012/CV-TAHL ngày 18/01/2012 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện H.

Ngày 12/4/2012, chị Ngô Thị Phương L có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với hành vi của ông Lê Văn Q, theo Điều 205 BLHS 1999. Anh Lê Văn L có đơn khiếu nại đối với hành vi giao xe của ông Q và không chấp nhận yêu cầu buộc anh phải bồi thường cho gia đình người bị thiệt hại.

Ngày 11/4/2012, Tòa án đã quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 01/2012/QĐST-HS,

Ngày 23/5/2023, Tòa án đã quyết định phục hồi giải quyết vụ án, theo quyết định số 01/2023/HSST - QĐ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án hình sự về phần dân sự.

- Về trách nhiệm hình sự, vật chứng và tài sản, giấy tờ, tài liệu có liên quan của vụ án: Không xem xét, giải quyết.

- Về phần dân sự và biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; các Điều 604, 605, 608, 609, 610, 612, 623 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 141 Luật Doanh nghiệp năm 2005; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc anh Lê Văn L và ông Lê Văn Q - là chủ Doanh nghiệp Tư nhân Q Lĩnh phải bồi thường cho chị Nguyễn Thủy Kiều Anh tổng số tiền 2.000.000 đồng (bao gồm: Chi phí điều trị 1.466.400 đồng, chi phí bồi dưỡng phục hồi sức khỏe và bù đắp tổn thất về tinh thần 533.600 đồng), trong đó: Anh L phải bồi thường 1.000.000 đồng, ông Q phải bồi thường 1.000.000 đồng; bồi thường cho gia đình anh Bùi Đức Thắng tổng số tiền 665.458.000 đồng (bao gồm: Thiệt hại của xe ô tô biển số đăng ký 30Y-8057 605.658.000 đồng, tiền chi phí mai táng 10.000.000 đồng, tiền bù đắp tổn thất về tinh thần 49.800.000 đồng), trong đó: Anh L phải bồi thường 332.729.000 đồng, ông Q phải bồi thường 332.729.000 đồng.

Buộc anh L phải cấp dưỡng cho cháu Bùi Huy A và cháu Bùi Thị Hồng Nh mỗi cháu 500.000 đồng/ tháng đến khi các cháu đủ 18 tuổi; trong đó: Buộc phải cấp dưỡng 01 lần trong thời gian tính từ tháng 07/2010 đến hết tháng 07/2023 là 157 tháng x 500.000 đồng/ tháng/ 02 cháu là 157.000.000 đồng và cấp dưỡng hàng tháng

cho các cháu, mỗi cháu 500.000 đồng/ tháng tính từ tháng 08/2023 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chấp nhận số tiền 10.000.000 đồng chị L đã tạm ứng của ông Q để thuê xe cứu hộ kéo xe ô tô biển số đăng ký 30Y-8057 từ huyện H, tỉnh Thanh Hóa ra hàng PORD Hà Nội là tiền bồi thường và công nhận khoản tiền này đã bồi thường xong.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc anh Lê Văn L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho hai cháu Bùi Huy A, sinh ngày 08/9/2005 và cháu Bùi Thị Hồng Nh, sinh ngày 02/8/2008, mỗi cháu 500.000 đồng/ tháng đến khi các cháu đủ 18 tuổi; trong đó buộc cấp dưỡng 01 lần cho cháu Bùi Huy A, sinh ngày 08/9/2005, thời gian cấp dưỡng từ ngày 01/ 7 /2010 đến hết tháng 7/2023 là 157 tháng x 500.000 đồng/ tháng, cấp dưỡng hàng tháng cho cháu Bùi Thị Hồng Nh là 500.000 đồng/ tháng, thời gian cấp dưỡng từ ngày 01/ 7/2010 đến hết tháng 7 năm 2023 và từ tháng 8 năm 2023 cho đến khi cháu 18 tuổi.

Về xử lý vật chứng: Không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 23, Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQUBTV- QH. Buộc bị đơn Lê Văn L phải nộp án phí dân sự có giá ngạch và 300.000 đồng án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ. Ông Lê Văn Q, sinh năm 1957, tính đến thời điểm xét xử thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn dân sự không có quan điểm tranh luận về của Viện kiểm sát.

Bị đơn dân sự, có quan điểm chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng hàng tháng cho hai cháu như ý kiến của chị L. Không nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát về nghĩa vụ bồi thường thiệt hại của bị đơn cho nguyên đơn dân sự, vì cho rằng trách nhiệm bồi thường thuộc về ông Lê Văn Q chủ doanh nghiệp.

Ông Lê Văn Q, chấp nhận chịu trách nhiệm bồi thường cho những người bị thiệt hại, mức bồi thường là 50% đối với gia đình chị L và cháu Nguyễn Thủy Kiều Anh. Về cấp dưỡng thống nhất với ý kiến anh L và chị L nên không có ý kiến khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên có mặt quan không có quan điểm tranh luận khác về mức bồi thường tổn thất về tinh thần và thống nhất như ý kiến trình bày của chị L người đại diện hợp pháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng, vụ án hình sự được xét xử về phần dân sự, nên về trách nhiệm hình sự không đánh giá xem xét. Việc phục hồi giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật tố tụng hình sự, không vi phạm về thời hạn và thẩm quyền giải quyết vụ án. Bị đơn khiếu nại hành vi giao xe của ông Lê Văn Q nhưng nội dung khiếu nại không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm.

[2]. Về căn cứ xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Lời khai của bị đơn Lê Văn L trong quá trình điều tra vụ án thừa nhận; anh là lái xe của doanh nghiệp tư nhân Q Lĩnh, có giấy phép lái xe hạng D, được phép lái xe chở khách từ 10 đến 30 chỗ ngồi. Sáng ngày 21/6/2010, anh Lê Văn L đã tự ý lấy chìa khóa và xe ô tô 36M-

9113 loại xe ô tô 47 chỗ tham gia giao thông không đúng với loại xe được phép điều khiển, không báo cáo với chủ doanh nghiệp tư nhân. Ông Lê Văn Q – Chủ doanh nghiệp tư nhân không biết việc anh L tự ý lấy xe ô tô 36M-9113 chở đón khách từ Thanh Hóa đi Hà Nội, nên đã gây ra vụ án tai nạn giao thông làm nhiều người chết và nhiều người bị thương. Lời khai của anh L còn phù hợp với lời khai của anh Đinh Xuân Nam, người được phân công lái xe ô tô 36M-9113 và phụ xe là anh Lê Văn S, người cùng phụ đón khách đi trên xe ô tô 36M- 9113 khi xảy ra vụ tai nạn giao thông vào lúc 07 h 50 phút, ngày 21/6/2010, tại Km 305 +700 Quốc lộ 1A chạy qua địa phận Thôn P, xã Đ, huyện H. Như vậy, có căn cứ để khẳng định bị đơn dân sự Lê Văn L, không có giấy phép lái xe ô tô khách loại 47 chỗ ngồi, không được phép giao xe, là người trực tiếp điều khiển xe ô tô BKS 36M -9113 đã gây thiệt hại trực tiếp cho người bị hại.

[3]. Nguyên nhân và lỗi xảy ra vụ tai nạn giao thông: Nhận thấy; vào lúc 07giờ 50 phút, ngày 21/6/2010, tại Km 305 +700 Quốc lộ 1A chạy qua địa phận thôn P, xã Đ, huyện H. Lê Văn L điều khiển xe ô tô BKS 36M- 9113 theo hướng Thanh Hóa đi Hà Nội, khi phát hiện thấy phía trước xe ô tô do anh L điều khiển, khoảng 30 - 40m có xe ô tô khách BKS 30Y -8057 loại xe 16 chỗ ngồi đang chạy ngược chiều theo hướng Hà Nội đi Thanh Hóa và tránh xe mô tô đi cùng chiều, nên xe ô tô 30Y – 8057 đã chạy sang phần đường xe ô tô 36M- 9113 do anh L điều khiển. Thấy vậy, anh L điều khiển xe ô tô 36M-9113 chạy sang phần đường ngược chiều để tránh việc hai xe ô tô đâm trực diện vào nhau, nhưng sau khi chạy sang phần đường ngược chiều để tránh xe mô tô, thì xe ô tô 30Y-8057 lại chạy sang phần đường đi bên phải theo chiều đi. Do không kịp thời xử lý tình huống giao thông nên xe ô tô 36M-9113 do anh L điều khiển đã đâm vào xe ô tô 30Y-8057 do anh Bùi Đức Th điều khiển. Hậu quả vụ tai nạn làm 04 người chết và 14 người trên xe ô tô 30Y-8057 bị thương và hai xe ô tô bị hư hỏng nặng. Trong đó anh Bùi Đức Th bị chết và chị Nguyễn Thủy Kiều A, sinh năm 1997, bị thương và xe ô tô BKS 30Y-8057 bị hư hỏng chưa được giải quyết bồi thường. Theo quy định tại khoản 1 Điều 604 BLDS 2005 quy định “ Người nào có lỗi cố ý hoặc vô ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của cá nhân, xâm phạm danh dự, uy tín, tài sản của pháp nhân hoặc chủ thể khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường ”. Do đó, đủ cơ sở để xác định, anh Lê Văn L là người đã bị kết án 05 (năm tù) về tội “ Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” đã có lỗi trực tiếp trong việc tự ý chiếm hữu, sử dụng phương tiện trái phép, điều khiển nguồn nguy hiểm cao độ gây ra vụ tai nạn làm anh Bùi Đức Th bị chết, xe ô tô BKS 30Y-8057, bị hư hỏng và chị Nguyễn Thủy Kiều A bị thương tích. Nay gia đình chị Ngô Thị Phương L không thay đổi việc bồi thường và giữ nguyên mức bồi thường thiệt hại là thể hiện ý chí tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật. Do đó cần buộc người gây thiệt hại phải có trách nhiệm bồi thường bao gồm: Bồi thường chi phí mai táng phí là 10.000.000 đồng; bồi thường do xe ô tô bị thiệt hại theo kết quả định giá 605.658.000 đồng, bồi thường tổn thất về tinh thần cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất số tiền 49.800.000 đồng, tiền chi phí thuê kéo xe từ H ra Hà Nội là 10.000.000đồng và phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho hai cháu tính từ thời điểm ngày 01/7/2010 cho đến khi các cháu 18 tuổi, mức cấp dưỡng mỗi cháu là 500.000 đồng/tháng/ cháu. Tuy nhiên, trong vụ án này, ông Lê Văn Q không có lỗi trong việc giao xe, nhưng có lỗi trong

việc bảo quản, trông giữ, vận hành và sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ, để anh L tự ý lấy xe ô tô 47 chỗ chở, đón khách, trong khi anh L chỉ được cấp giấy phép lái xe hạng D không đủ điều kiện để điều khiển xe ô tô chở khách loại 47 chỗ ngồi, nên đã gây ra vụ tai nạn giao thông. Bản thân ông Q là chủ doanh nghiệp tư nhân, hàng ngày lịch trình đi, đến, quản lý phương tiện, điều hành lái xe, nên buộc ông phải biết các quy định của pháp luật trong công tác quản lý, điều hành, sắp xếp và phân công người lao động đúng với quy định, nhưng ông Q đã bỏ mặc việc điều hành, phân công, không quản lý tài sản chặt chẽ. Hậu quả xảy ra vụ tai nạn giao thông do anh L trực tiếp gây nên, cũng cần gắn trách nhiệm dân sự đối với chủ doanh nghiệp tư nhân, nên ông Lê Văn Q phải liên đới chịu trách nhiệm bồi thường một phần thiệt hại cùng với anh Lê Văn L cho những người chưa được giải quyết bồi thường, theo hướng dẫn tại điểm d mục III.2 Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là có cơ sở.

[3]. Xét lời nại của bị đơn dân sự Lê Văn L, về nội dung không có việc anh tự ý lấy xe ô tô 36M-9113 loại xe 47 chỗ, mà được sự phân công của ông Lê Văn Q - Chủ doanh nghiệp tư nhân. Thấy, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự, bị đơn dân sự đã thừa nhận hành vi trái pháp luật của mình, việc thừa nhận hành vi trái pháp luật là phù hợp lời khai của người chứng và các tình tiết khách quan vụ án. Sau khi xét xử phúc thẩm, xác định ông Lê Văn Q - Chủ doanh nghiệp tư nhân Q Lĩnh không phải là bị đơn dân sự và xác định lại nghĩa vụ bồi thường thiệt hại, nên bị đơn dân sự Lê Văn L có đơn khiếu nại gửi các cơ quan tố tụng để xem xét lại hành vi của chủ doanh nghiệp tư nhân Quang L. Như vậy, việc khiếu nại phát sinh sau khi Bản án phúc thẩm số 147/2011/HSPT ngày 29/8/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa và Bản án sơ thẩm số 25/2011/HSST của Tòa án nhân dân huyện H đã có hiệu lực pháp luật. Nên Tòa án sơ thẩm không có thẩm quyền xem xét lại trách nhiệm hình sự đối với phần bản án đã có hiệu lực pháp luật.

[4]. Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại của người đại diện hợp pháp: Thiệt hại trong vụ án tai nạn giao thông xảy ra ngày 21/6/2010 chưa được giải quyết bồi thường gồm: Tiền mai táng phí 10.000.000 đồng; tiền xe ô tô Biển kiểm soát 30Y – 8057 bị hỏng, theo kết quả định giá là 605.658.000 đồng, tiền chi phí vận chuyển xe ô tô BKS 30Y-8057 từ H về Hà Nội là 10.000.000 đồng, tiền bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần 49.800.000 đồng. Tổng cộng là 674.658.000 đồng. Thấy các khoản yêu cầu là có căn cứ, phù hợp với thiệt hại thực tế tại thời điểm xác định thiệt hại xảy ra. Do đó về trách nhiệm dân sự và nghĩa vụ phải bồi thường, cần buộc ông Lê Văn Q và anh Lê Văn L phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại theo phần cho người đại diện hợp pháp của người bị hại, tương ứng với mức độ lỗi giữa chủ xe và người gây ra vụ tai nạn, theo quy định Điều 307, Điều 308, Điều 604, Điều 608, Điều 609, Điều 610, Điều 612, Điều 616 và Điều 623 của Bộ luật Dân sự 2005 và hướng dẫn tại điểm d mục III.2 Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Trong đó ông Lê Văn Q phải bồi thường số tiền 332.729.000 đồng, anh Lê Văn L phải bồi thường số tiền 332.729.000 đồng.

[5]. Đối với số tiền thuê kéo xe ô tô BKS 30Y-8057 từ Hậu Lộc ra Hà nội để

sửa chữa, chị L đã tạm ứng trước từ ông Q để trả tiền chi phí, nay ông Q không yêu cầu anh L phải hoàn trả, do đó cần ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn Q đối với số tiền đã chi phí thuê xe là 10.000.000 đồng, anh Lê Văn L không phải hoàn trả lại 1/2 số tiền cho ông Q.

[6]. Xét yêu cầu cấp dưỡng: Anh Bùi Đức Th chết là do tai nạn giao thông, người trực tiếp gây thiệt hại là anh Lê Văn L (đã bị kết án), trước thời điểm anh Th chết, anh Th và chị L có hai con chung là cháu Bùi Huy A và cháu Bùi Thị Hồng Nh. Từ khi xảy ra vụ tai nạn giao thông đến nay chưa được giải quyết về yêu cầu cấp dưỡng đối với hai cháu. Theo đơn trình bày của chị L thì việc cấp dưỡng được thực hiện một lần đối với cả hai cháu, mỗi cháu là 500.000 đồng/ tháng và không thay đổi mức cấp dưỡng hàng tháng đối với cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Thấy việc yêu cầu cấp dưỡng là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật và ý chí của người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, vì cháu Bùi Huy A, sinh ngày 08/9/2005, thời điểm anh Th chết, cháu Bùi Huy A mới 04 tuổi, 06 tháng 23 ngày, đến ngày xét xử sơ thẩm cháu A đã 17 tuổi, 11 tháng, 21 ngày, nên buộc cấp dưỡng một lần là có cơ sở, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2010 đến hết tháng 8 năm 2023 là 158 tháng x 500.000 đồng/ tháng là 79.000.000 đồng. Nay chị Ngô Thị Phương L yêu cầu cấp dưỡng một lần đối với cháu là phù hợp. Đối với cháu Bùi Thị Hồng Nh, sinh ngày 02/8/2008, tính đến ngày xét xử cháu Nh mới 15 tuổi, 27 ngày. Nên buộc anh Lê Văn L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2010 đến khi cháu đủ 18 tuổi, mức cấp dưỡng là 500.000 đồng / tháng. Số tiền cấp dưỡng từ ngày 01/7/2010 đến hết tháng 8/2023 là 158 tháng x 500.000 đồng/ tháng là 79.000.000 đồng và tiếp tục cấp dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

[7]. Đối với chị Nguyễn Thủy Kiều A, tại thời điểm xảy ra tai nạn ông Nguyễn Văn Th, bố đẻ là người đại diện hợp pháp. Tại thời điểm xét xử chị A đã đủ tuổi thành niên. Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án chị A bị thương tích phải điều trị do tai nạn giao thông tại Bệnh viện Đa khoa Hợp Lực, Thanh Hóa, số tiền chi phí điều trị bao gồm: Biên lai thu tiền ngày 21/6/2010 là 255.000 đồng; Phiếu thu thanh toán viện phí ngày 22/6/2010 là 966.400 đồng. Tổng cộng 1.221.400 đồng. Bản án sơ thẩm số 25/2011/HSST của Tòa án nhân dân huyện H, xác định số tiền bồi thường số tiền 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa chị A có đơn xin giải quyết vắng mặt và đề nghị giải quyết bồi thường theo quy định của pháp luật. Thấy việc chi phí điều trị thương tích là thực tế, bao gồm chi phí tiền thuốc điều trị, tiền công mất thu nhập của người chăm sóc, tiền tàu, xe đi lại, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe trong thời gian điều trị, toàn bộ chi phí thiệt hại được xác định là 2.000.000 đồng, số tiền trên buộc ông Q và anh L phải có trách nhiệm liên đới bồi thường, chia theo phần mỗi người phải bồi thường 1.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thủy Kiều A.

[8]. Xử lý vật chứng: Không xem xét xử lý.

[9]. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào điểm b Điều 24, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 6 Điều 27, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn Lê Văn L phải nộp án phí dân sự có giá ngạch và án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ. Ông Lê Văn Q thuộc

trường hợp người cao tuổi. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQUBTV QH-14, miễn án dân sự có giá ngạch cho ông Q.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự 1999; khoản 5 Điều 281, khoản 1,2 Điều 298, Điều 300, khoản 1, 2 Điều 307, khoản 1 Điều 308, Điều 604, khoản 2 Điều 608, Điều 609, điểm b, c khoản 1, khoản 2 Điều 610, điểm a khoản 2 Điều 612, Điều 616 và Điều 623 của Bộ luật Dân sự 2005.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b Điều 24, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 6 Điều 27, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu bồi thường của người đại diện hợp pháp là chị Ngô Thị Phương L.

Buộc anh Lê Văn L và ông Lê Văn Q phải liên đới bồi thường cho người đại diện hợp pháp là chị Ngô Thị Phương L. Tổng số tiền là 674.658.000 đồng, được trừ đi số tiền 10.000.000 đồng, số tiền còn phải bồi thường là 664.658.000 đồng, chia theo phần, ông Lê Văn Q phải bồi thường số tiền 332.729.000 đồng, anh Lê Văn L phải bồi thường số tiền 332.729.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của người đại diện hợp pháp là chị Ngô Thị Phương L và anh Lê Văn L về mức cấp dưỡng hàng tháng đối với hai cháu Bùi Huy A và cháu Bùi Thị Hồng Nh, mỗi tháng 500.000 đồng/ cháu.

Buộc anh Lê Văn L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng một lần cho cháu Bùi Huy A, sinh ngày 08/9/2005, thời gian cấp dưỡng từ ngày 01/7/2010 đến hết tháng 8/2023 với số tiền là 79.000.000 đồng (bảy mươi chín triệu đồng). Đối với cháu Bùi Thị Hồng Nh, sinh ngày 02/8/2008, buộc anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng đối với cháu Nh, thời gian cấp dưỡng từ ngày 01/7/2010 đến hết tháng 8/2023 là 158 tháng x 500.000 đồng/ tháng là 79.000.000 đồng (bảy mươi chín triệu đồng) và tiền cấp dưỡng từ tháng 9/2023 cho đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn Q đối với số tiền đã trả chi phí thuê xe là 10.000.000 đồng, anh Lê Văn L không phải hoàn trả lại 1/2 số tiền trên cho ông Q.

Buộc anh Lê Văn L và ông Lê Văn Q phải liên đới bồi thường cho chị Nguyễn Thủy Kiều A, số tiền 2.000.000 đồng, chia theo phần, anh L phải bồi thường 1.000.000 đồng, ông Q phải bồi thường 1.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành hoặc thi hành không đầy đủ nghĩa vụ phải bồi thường, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi còn phải thi hành án trên số tiền chậm trả phải bồi thường theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015,

Đối với việc thi hành bản án thuộc trường hợp được quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì người được thi hành án có quyền đề nghị thi hành án ngay mà không phụ thuộc vào bản án bị kháng cáo, kháng nghị, khiếu nại, kiến nghị.

Về xử lý vật chứng: Không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Miễn án phí dân sự có giá ngạch cho ông Lê Văn Q. Buộc anh Lê Văn L phải chịu số tiền án phí có giá ngạch 16.636.450 đồng (mười sáu triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi đồng) và 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí không có giá ngạch đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 63, Điều 64, Điều 65 và Điều 331 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án hình sự về phần dân sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến việc bồi thường thiệt hại.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6; Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện H;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Đường sự;
- Chi cục THDA sự huyện H;
- Công an huyện cùng cấp;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nghi